

nhất quán...". Dù hiện nay, rất nhiều nhà đầu tư, và các tổ chức quốc tế đã đánh giá VN là nơi "đất lành chim đậu", là "điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư", "địa chỉ đầu tư tin cậy", hay "một con rồng châu Á tiếp theo"; với tinh thần cầu thị và quyết tâm, tin tưởng rằng trong tương rất gần, VN thực sự là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư; VN sẽ vượt xa Trung Quốc, Thái Lan, và Ấn Độ trong thu hút FDI nếu như các nhà đầu tư cùng chúng tôi hướng về tương lai ấy

Tài liệu tham khảo

Báo cáo phát triển VN 2006 (2005), Kinh doanh, Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ.
Báo cáo phát triển thế giới 2005 (2004), Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người, NXB VHTT.
UNCTAD (2005a), World Investment Report 2005-Transnational Corporation and the Internationalization of R&D, United Nations.
UNCTAD (2005b), UNCTAD Handbook of statistics 2005, United Nations.
Damodar N Gujarati (2004), Kinh tế lượng căn bản, McGraw-Hill International.
Kathie Krumm, Homi Kharas (2004) Đồng Á hội nhập – lộ trình chính sách thương mại hướng đến mục tiêu tăng trưởng chung, NXB Văn hóa thông tin.
Hà Phương (2005), "Đầu tư nước ngoài tại VN năm 2005, triển vọng năm 2006", Tạp chí *Du lịch VN*, Số tháng 12/2006.
Nguyễn Trọng Hoài (2001), Mô hình hóa và dự báo chuỗi thời gian trong kinh doanh & kinh tế, NXB ĐHQG TP.HCM.
Loan Lê (2000), Hệ thống dự báo - điều khiển kế hoạch - ra quyết định, NXB Thống kê.
Ngọc Mai (2005), "Đổi mới cách xúc tiến đầu tư", Thời báo *Kinh tế Sài Gòn*, Số 10.11.2005.
Đỗ Hoài Nam, Võ Đại Lực (2005), Một số vấn đề phát triển kinh tế của VN hiện nay, NXB Thế giới.
Nguyễn Công Như, Phạm Ngọc Kiêm, Trần Ngọc Phác (2004), Dự đoán tình hình phát triển công nghiệp VN: lý thuyết, triển vọng & giải pháp, NXB Thống kê.
Kenichi Ohno, Nguyễn Văn Thường (2005) Hoàn thiện chiến lược phát triển công nghiệp VN, NXB Lý luận chính trị.
Ramu Ramanathan (2004), Kinh tế lượng ứng dụng, bản dịch của Fulbright.
Tô Duy Rùa (2005), "Tác động của tiến trình gia nhập WTO đối với nền kinh tế VN", VN và tiến trình gia nhập WTO, NXB Thế giới.
Ánh Sáng (2006), "ACFTA cơ hội và thách thức", Thời báo *Kinh tế VN*, Số 10.01.2006.
Trần Văn Thắng và các đồng nghiệp (2002), Lý thuyết thống kê, NXB Thống kê.
Phan Hữu Thắng (2006), "2005: thu hút gần 6 tỷ USD vốn FDI", Kinh tế 2005-2006 VN và thế giới, Thời báo *Kinh tế VN*.
Nguyễn Thống (1999), Phân tích dữ liệu và áp dụng vào dự báo, NXB Thanh niên.
Trần Văn Thọ (2005), Biến động kinh tế ở Đông Á và con đường công nghiệp hóa VN, NXB Chính trị quốc gia.
Trần Nguyễn Tuyên (2005), "VN gia nhập WTO- thời cơ, thách thức và những giải pháp cần thực hiện", VN và tiến trình gia nhập WTO, NXB Thế giới.
Nhật Vy (2006), "Dự báo kinh tế thế giới năm 2006", Vietnamnet ngày 03.01.2006.
Nguyễn Trọng Xuân (2004), "Nhìn lại động thái 16 năm thu hút FDI của VN", Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới*, Số tháng 5.2004.



Ảnh Hoa Tấn

20 năm đổi mới, vẫn “chưa thân thiện” với FDI

NGUYỄN TRUNG

Ai cũng biết, làm ăn mà không ước lượng được rủi ro thì ai dám làm ăn lâu dài và làm ăn lớn. Môi trường đầu tư mà như vậy thì chỉ có khả năng khuyến khích cách làm ăn chụp giựt, làm ăn nhỏ, dễ làm khó bỏ, mang đầy tính đầu cơ, rất có hại cho nước chủ nhà.

Nhà nước ta đánh giá cao vai trò của đầu tư nước ngoài (FDI) đối với sự nghiệp CNH-HDH và phát triển đất nước, dành cho FDI hầu hết mọi ưu đãi có thể trong điều kiện cho phép, ra sức cải thiện và đổi mới các thể chế, luật pháp, chính sách, môi trường kinh doanh... để thu hút FDI. Đây là những nỗ lực rất lớn, được cả thế giới thừa nhận. Thậm chí chỗ này chỗ khác xuất hiện một số hiện tượng thái quá, tạo ra những ưu đãi hoặc cách đối xử với FDI vượt quá khuôn khổ pháp lý cho phép,

các bên phía ta giành giật nhau khiến thể đàm phán của ta suy yếu, gây ra những thua thiệt không đáng có – tuy nhiên đây chỉ là hiện tượng phụ.

Mặc dù có những nỗ lực lớn như vậy, khối lượng FDI thực hiện đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước, môi trường kinh doanh của FDI được cải thiện nhiều, v.v... nhưng, so sánh với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam sau 20 năm đổi mới vẫn bị coi là nước “chưa thân thiện” với FDI. Khả năng cạnh tranh thu hút FDI còn thấp so với

những điều kiện thuận lợi cho phép; đã bỏ lỡ một số lần sóng FDI có thể thu hút được (1995, 1998), chưa có những chuyển biến mạnh mẽ để thu hút làn sóng mới của FDI hiện đang diễn ra trong khu vực. Việc khai thác FDI để tranh thủ chuyển giao công nghệ, cải tiến phương thức quản trị kinh doanh, tiếp cận và khai phá thị trường mới bên ngoài v.v... nhìn chung thấp.

Cũng cần nhấn mạnh một thực tế làn sóng FDI lên cao ở nước ta vào những năm 1995 trở về trước và phần nào đang hồi phục từ 1-2 năm gần đây đều gắn với sự thông thoáng trong môi trường kinh doanh và sự đơn giản hóa công việc quản lý của bộ máy nhà nước đã tạo ra được ở hai thời kỳ này.

"Nhìn không xa, trông không rộng": chỉ làm ăn nhỏ lẻ, chụp giật!

Vậy những yếu kém chính trong vấn đề thu hút FDI là gì?

Trước hết phải nói tính tiên liệu được (predictability) trong môi trường kinh doanh ở nước ta nhìn chung thấp; đây là một trong những khó khăn lớn những nhà đầu tư nước ngoài vấp phải trong môi trường kinh tế nước ta.

Ai cũng biết, làm ăn mà không ước lượng được rủi ro thì ai dám làm ăn lâu dài và làm ăn lớn. Môi trường đầu tư mà như vậy thì chỉ có khả năng khuyến khích cách làm ăn chụp giật, làm ăn nhỏ, dễ làm khó bỏ, mang đầy tính đầu cơ, rất có hại cho nước chủ nhà và không thể tính đến những liên kết, liên doanh dài hạn cho tương lai, cho việc cùng nhau khai phá thị trường mới cho nước chủ nhà.; cuối cùng chính nước chủ nhà rơi vào tình trạng không tiên liệu được còn tệ hại hơn so với nhà đầu tư nước ngoài và rất bị động.

Tính không tiên liệu được trong môi trường đầu tư ở Việt Nam chủ yếu do các nguyên nhân sau đây: Tính nhất quán trong hệ thống chính sách và hệ thống quản lý của bộ máy nhà nước thấp. Các chính sách kinh tế, luật pháp, kế hoạch kinh tế và quy hoạch phát triển thay đổi luôn. Luật pháp,

quy hoạch phát triển kinh tế, các chính sách đã ban hành nhiều khi bị bóp méo lúc thực thi.

Nguyên nhân: Năng lực nghiệp vụ của bộ máy quản lý nhà nước và của cán bộ còn nhiều mặt hạn chế, tệ nạn quan liêu tham nhũng, tính tranh giành cục bộ địa phương. Thêm vào đó là khả năng ứng phó còn rất hạn chế đối với những biến động bên trong (thiên tai, sự khan hiếm, biến động thị trường, vấn đề đất đai...) hay từ bên ngoài lan tới (khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997, giá nguyên nhiên liệu trên thị trường thế giới, khủng hoảng kinh tế hay chiến tranh ở các khu vực khác...)

Đổi mới tư duy: 20 năm sau vẫn còn là chuyển mới

Ngoài ra, do còn bị tư duy cũ chi phối, nên tính bảo thủ và bảo hộ còn tác động sâu xa đến khuyến khích thu hút FDI như: Tư duy kinh tế còn nặng về hướng nội, bảo hộ trực tiếp hoặc gián tiếp sản phẩm cùng loại của các xí nghiệp quốc doanh, những đặc quyền riêng dưới nhiều dạng rơi rớt từ thời bao cấp dành cho quốc doanh, ảnh hưởng đến nguyên tắc đối xử bình đẳng quốc gia - đặc biệt là trên các phương diện vốn, đất đai, quyền kinh doanh còn hạn chế trong một số ngành kinh tế quan trọng như điện lực, giao thông...

Có thể kể những hạn chế đó là: Hạn chế các tập đoàn có FDI vào Việt Nam được kinh doanh đa ngành nghề, hạn chế khâu thương mại nội địa của những tập đoàn này (gần đây tình hình này đã được cải thiện). Và những hạn chế trong các lĩnh vực ngân hàng và một số dịch vụ khác. Chưa kể, giá đất đai và chi phí trung gian quá cao, nhìn chung nước ta còn là một nền kinh tế đắt. Rõ ràng, chúng ta còn thiếu hẳn một chiến lược coi FDI là cứu cánh thực hiện CNH-HĐH khai thác thị trường mới và giành thị phần ngày một lớn hơn.

Đáng chú ý là những vấn đề lớn sau đây: Rất thiếu lực lượng lao động có tay nghề cao, thiếu đội ngũ cán bộ

khoa học kỹ thuật và quản trị kinh doanh giỏi để cung cấp cho các dự án FDI làm ra những sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao. Công tác tiếp thị thị trường FDI và đội ngũ cán bộ phụ trách vấn đề FDI các ngành các cấp có nhiều yếu kém; đặc biệt là còn rất yếu trong vấn đề cung cấp thông tin giúp các bên đối tác (phía ta cũng như phía nước ngoài) có nhiều khả năng lựa chọn các cơ hội và có những quyết định nhanh chóng.

Chưa kể kết cấu hạ tầng chậm phát triển, thiếu các mạng xí nghiệp vệ tinh thỏa mãn đầu vào cho những dự án FDI lớn, thiếu những quyết sách hữu hiệu cho việc hình thành những liên kết, liên doanh thúc đẩy quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế. Chưa chú ý xây dựng văn hóa hợp tác kinh doanh nhằm nâng đất nước ta lên thành môi trường lý tưởng thu hút FDI.

Chữ tín trong làm ăn: cần một chính sách đảm bảo!

Nhìn chung còn thiếu nhiều chính sách và những nỗ lực chính trị khác - kể cả trong lĩnh vực ngoại giao - nhằm giữ gìn chữ tín, tạo sự tin cậy làm ăn lâu dài, khiến cho giới FDI và nước chủ nhà có sự hợp tác cùng lợi cùng thuyền, chung lưng chung sức tiến công vào những thương trường mới, khai thác những sản phẩm mới.

Hiện nay, những đối tác lớn bên ngoài đang có yêu cầu đa dạng hóa thị trường đầu tư, trong khi đó nước ta có vị thế kinh tế và chính trị ngày càng được cải thiện, chế độ chính trị ổn định, kinh tế phát triển năng động. Tình hình này đang mang lại cho nước ta cơ hội lớn đón bắt làn sóng đầu tư nước ngoài (FDI) mới vào nước ta. Đã bắt đầu có dấu hiệu một "boom- sự bùng nổ" mới về FDI vào Việt Nam. Thực tế này thôi thúc phải đẩy mạnh cải cách toàn diện, mau chóng thực hiện các lộ trình đã cam kết trong khuôn khổ WTO và trong những cam kết song phương và đa phương, nhằm tạo mọi điều kiện nắm bắt lấy cơ hội quan trọng này ■

(Nguồn: VietnamNet 5.2006)